

NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VÙNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

★ PGS, TS NGUYỄN THỊ SONG HÀ

Học viện Khoa học xã hội

★ ThS NGUYỄN VĂN PHONG

Đại học Mở Địa chất Hà Nội

● **Tóm tắt:** Biên giới đất liền được coi là “cửa ngõ” quan trọng trong hợp tác quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế đối ngoại, là “phên giậu” của Tổ quốc, bảo đảm chủ quyền quốc gia. Trong những năm qua, vùng biên giới đất liền đã có những thay đổi tích cực trên nhiều phương diện kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, song nhiều thách thức như đói nghèo, di dân tự do, nguồn nhân lực tại chỗ chưa đáp ứng yêu cầu... Bài viết tập trung làm rõ những thách thức, đề xuất giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển ổn định vùng biên giới đất liền trong bối cảnh hiện nay.

● **Từ khóa:** biên giới đất liền; thách thức; hội nhập; toàn cầu hóa.

Challenges posed to Vietnam's land borders in the current context

● **Abstract:** Land borders are considered an important “gateway” in international cooperation, promoting foreign economic development, and the “shield” of the Fatherland, ensuring national sovereignty. In recent years, land border areas have seen positive changes in many aspects, including economic, cultural, political, and social ones, while also facing numerous challenges, such as hunger and poverty, uncontrolled migration, local human resources not yet meeting requirements, and more. The article focuses on clarifying these challenges and proposing suitable solutions to promote stable development of land border areas in the current context.

● **Keywords:** land borders; challenges; integration, globalization.

1. Mở đầu

Việt Nam có chung đường biên giới đất liền dài hàng nghìn km với Trung Quốc, Lào, Campuchia, trong tiến trình lịch sử, vùng biên giới trên đất liền luôn chịu sự thay đổi phụ thuộc lớn vào giai đoạn lịch sử và những quan điểm khác nhau của mỗi quốc gia trong từng thời kỳ.

Phần lớn tuyến biên giới đất liền đi qua núi non hiểm trở, giao thông không thuận lợi, dân cư biên giới chủ yếu là các dân tộc thiểu số, sống tương đối tách biệt, đời sống nhân dân nhiều khó khăn... do đó, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng biên giới đất liền luôn là vấn đề khó khăn đối với mỗi quốc gia.

Trong nhiều năm qua, khu vực biên giới đất liền luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam với nhiều chủ trương, chính sách, dự án đầu tư được ban hành, triển khai nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững an ninh chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, các tác động như vị trí địa lý, lịch sử tộc người, kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, hội nhập, cạnh tranh chiến lược đặt ra nhiều thách thức đòi hỏi có những nghiên cứu cụ thể, thấu đáo để có các giải pháp phù hợp với thực tiễn.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về vùng biên giới đất liền của Việt Nam

Điều 1 Luật Biên giới quốc gia năm 2003 xác định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”⁽¹⁾. Hiện nay, Việt Nam có đường biên giới đất liền với 3 quốc gia là Trung Quốc, Lào và Campuchia, với ý thức mạnh mẽ về chủ quyền quốc gia, tinh thần chủ động, tích cực, Việt Nam sớm đàm phán, ký kết các hiệp ước về phân giới cắm mốc, hiệp định về quy chế quản lý biên giới,... giữa các quốc gia, trong đó:

Đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc có tổng số chiều dài 1.449,566km, trong đó đường biên giới trên đất liền là 1.065,652km, đường biên giới nước là 383,914km. Biên giới bắt đầu từ giao điểm đường biên giới giữa ba nước: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào quy định trong “Hiệp

ước về xác định giao điểm đường biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” ký ngày 10-10-2006, tới điểm kết thúc là điểm thứ nhất của đường phân định lãnh hải trong Vịnh Bắc Bộ giữa hai nước quy định trong “Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong Vịnh Bắc Bộ” ký ngày 25-12-2000⁽²⁾.

Biên giới Việt Nam - Lào dài 2.337,459km, với địa hình hết sức phức tạp, hiểm trở. Xuất phát từ quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, thiện chí giữa hai nước, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, sau hơn hai năm đàm phán, ngày 18-7-1977, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã được ký kết tại Thủ đô Viêng Chăn (Lào). Năm 1978, Việt Nam và Lào bắt đầu triển khai công tác phân giới, cắm mốc trên thực địa và hoàn thành vào năm 1984. Điểm khởi đầu của đường biên giới ở vị trí ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Trung Quốc và kết thúc ở vị trí ngã ba biên giới Việt Nam-Lào-Campuchia⁽³⁾.

Biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia dài khoảng 1255km, bắt đầu từ vị trí ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia, tới cột mốc 314, điểm cuối cùng hướng ra biển giữa An Giang và Kampot. Khu vực biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia đóng vai trò đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và dịch vụ thương mại du lịch của các nước tiểu vùng sông Mekong và vùng Biển Đông, giữa ASEAN và Trung Quốc. Vùng biên giới Việt Nam - Campuchia được quy hoạch đến năm



Thông tin về cột mốc ngã ba biên giới Đông Dương _ Ảnh: qdnd.vn

2030 sẽ phát triển thành một trong những vùng kinh tế động lực của cả nước về phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp, phát triển thủy điện, thủy lợi; và là đầu mối và cửa ngõ giao thông về đường bộ, đường thủy và đường hàng không quan trọng phía Tây và Tây Nam đất nước⁽⁴⁾.

2.2. Những thách thức vùng biên giới đất liền hiện nay

Trong nhiều năm, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành và thực hiện chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng đối với vùng biên giới đất liền và đã đạt được nhiều thành tựu. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục có các chính sách quan tâm, giải quyết trong thời gian tới.

Thứ nhất, tình trạng đói nghèo ở một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số tương đối cao. Theo

Quyết định số 217/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 04-02-2025 của Bộ Lao Động - Thương binh và xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025. Số hộ dân tộc thiểu số theo chuẩn nghèo đa chiều, có 413.910 hộ nghèo (tỷ lệ 12,55%), 323.674 hộ cận nghèo (tỷ lệ 9,81%), trong đó, một số tỉnh có biên giới đất liền có số lượng hộ nghèo, cận nghèo cao, như Hà Giang (40,7%), Điện Biên (42,54%), Nghệ An (47,53%)...⁽⁵⁾.

Đất đai là nguồn tư liệu quan trọng để đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực vùng biên sản xuất, tạo ra nguồn lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu sinh sống của gia đình. Khu vực biên giới đất liền đa phần là những nơi giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng)

có nhiều bất lợi cho sản xuất nói chung và sản xuất hàng hóa nói riêng. Dân cư biên giới chủ yếu là dân tộc thiểu số có trình độ phát triển không đồng đều, sống thưa thớt.

Vùng biên giới, đặc biệt là khu vực biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc đất đai thường không bằng phẳng, nhiều núi đá hiểm trở, cùng với đó là xu thế phát triển của xã hội khiến quỹ đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng ngày càng thu hẹp khiến sinh kế dựa vào nông nghiệp của người dân rất khó khăn. Cùng với quỹ đất nông nghiệp và đất rừng ngày càng bị thu hẹp là tình trạng suy thoái chất lượng đất do nhiều nguyên nhân như thời tiết cực đoan, bão lũ, hạn hán, do khai thác tài nguyên quá mức. Bên cạnh đó, một số gia đình đã bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không còn đất để sản xuất... khiến đời sống khó khăn lại càng khó khăn. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chương trình, dự án như giao đất, giao rừng, chương trình định canh, định cư nên đã hạn chế việc chặt phá rừng làm nương rẫy theo phong tục, tập quán truyền thống của một số tộc người song do nguồn lực đầu tư cho lâm nghiệp còn ít nên công tác bảo vệ rừng chưa tốt.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa một bộ phận người dân bị tách khỏi sản xuất nông nghiệp mà không kịp chuyển đổi nghề, một bộ phận tuy vẫn sống bằng sản xuất nông nghiệp nhưng đối mặt với thiếu đất sản xuất, cạnh tranh giá bán, trình độ sản xuất thấp... Bên cạnh đó, xã hội phát triển đã thu hút dân cư đến các vùng có điều kiện sống cao hơn, cơ sở hạ tầng tốt hơn, tác động mạnh đến chất lượng, số lượng lao động vùng biên giới. Việc thiếu đất ở, đất sản xuất khiến một bộ phận dân cư vùng biên phải đi làm thuê, đi làm ăn xa hoặc sang bên kia biên giới, nhất là ở vùng biên giới với Trung Quốc,

Campuchia, dẫn đến tranh chấp đất đai làm nảy sinh mất ổn định trật tự xã hội, ảnh hưởng đến đoàn kết dân tộc. Việc đáp ứng nhu cầu đất ở, đất sản xuất cho người dân ở vùng biên giới, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số đang là một vấn đề nan giải.

Ngoài ra, chất lượng nguồn nhân lực ở vùng biên giới chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Phần lớn lao động dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhất là các hộ nghèo, cận nghèo thường chỉ học đến cấp tiểu học và trung học cơ sở, không được đào tạo nghề. Điều đó khiến cho nhiều người khó có cơ hội tìm việc làm, nhất là những công việc yêu cầu cao về chuyên môn. Bên cạnh đó, đội ngũ lao động có trình độ không có cơ hội việc làm tại chỗ mà phải đi làm ăn xa ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, sang bên kia biên giới dẫn đến đội ngũ lao động đã yếu càng thiếu. Thời gian vừa qua, nhiều hoạt động nhằm tạo sinh kế ở vùng dân tộc thiểu số dựa trên lợi thế về tài nguyên, văn hóa được đẩy mạnh nhưng mới tập trung ở một số vùng tương đối dễ tiếp cận, các vùng sâu, vùng xa vẫn chưa bao phủ hết. Vì vậy, để ổn định, phát triển sinh kế cho người dân vùng biên giới là nhiệm vụ khó khăn và cần thực hiện nhiều giải pháp.

Thứ hai, trình độ phát triển kinh tế của vùng biên giới vẫn còn thấp, chưa đồng đều các khu vực. Những năm qua, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã có những chuyển biến quan trọng, tích cực về đời sống kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều dân tộc thiểu số ở vùng biên giới đất liền vẫn duy trì sản xuất mang tính tự cung, tự cấp, manh mún, nhỏ lẻ, cơ cấu hàng hóa đơn giản, mang tính mùa vụ. Hoạt động kinh tế chỉ tập trung ở các cửa khẩu, nhất là ở một vài cửa khẩu trọng điểm, trong khi phần lớn người dân

khu vực biên giới vẫn nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế gia đình.

Thứ ba, vấn đề di dân tự do qua lại giữa biên giới các quốc gia của một số dân tộc thiểu số để buôn bán, sinh sống, kết hôn... gây khó khăn trong bảo vệ an ninh biên giới. Di dân lao động qua biên giới hay di dân quốc tế là một trong những đặc điểm nổi bật trong diễn biến di dân dân tộc thiểu số. Tỉnh Hà Giang trước 2020 mỗi năm có hơn 20 nghìn lượt lao động trái phép qua biên giới Việt - Trung. Tại tỉnh Cao Bằng, trong bảy tháng đầu năm 2019 có hơn 9.500 người di cư tự do sang Trung Quốc làm thuê. Tết Nguyên Đán 2021, tại tỉnh Lào Cai, có khoảng 5.000 lao động làm thuê ở Trung Quốc trở về quê ăn Tết, phần lớn trong số này đều là vượt biên trái phép⁽⁶⁾. Tình trạng di dân tự do sang Trung Quốc, Lào, Campuchia để lao động, làm thuê diễn ra còn phổ biến ở các dân tộc thiểu số khu vực biên giới ảnh hưởng đến vấn đề trật tự, an toàn xã hội. Việc những người vượt biên giới sang lao động trái phép tại các quốc gia khác, trong đó có các hoạt động mang tính phạm pháp xuyên biên giới như buôn lậu, buôn bán phụ nữ và trẻ em, tiếp tay cho các thế lực bên kia biên giới làm ăn phi pháp trên đất nước Việt Nam khiến việc bảo đảm an ninh gặp rất nhiều khó khăn.

Thứ tư, thách thức từ quá trình hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khoa học công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam trong quá trình phát triển, song cũng đặt ra không ít thách thức. Những thách thức trong việc bảo tồn, giữ gìn các giá trị văn hóa dân tộc. Nhiều giá trị văn hóa là bản sắc dân tộc, vùng miền dần bị mai một, không còn người kế thừa, sự phát triển của truyền thông, mạng xã hội đã

du nhập mạnh những giá trị văn hóa từ bên ngoài dẫn đến sự giao thoa văn hóa.

2.3. Các khuyến nghị

Một là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng biên giới, đặc biệt là chính sách dân tộc. Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển quốc gia, ở vùng biên giới cần vận dụng sáng tạo chính sách dân tộc vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa. Các chính sách này, bên cạnh mục tiêu phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống và chất lượng sống cho các dân tộc thiểu số cần chủ động phát triển văn hóa - xã hội đặc biệt là dân tộc thiểu số, nâng cao ý thức, tự hào về bản sắc dân tộc, ý thức về chủ quyền, an ninh quốc gia.

Hai là, đổi mới chính sách giáo dục, đào tạo nghề, phát triển lực lượng lao động đặc biệt là lao động người dân tộc thiểu số. Cần có chính sách nhằm phát triển lao động vùng biên giới, thông qua giáo dục, đào tạo và từng bước nâng cao đời sống để họ an tâm với cuộc sống, từ đó bồi dưỡng ngày càng cao ý thức tự chủ, tự cường, vượt khó vươn lên, đây là nhân tố quan trọng để đồng bào các dân tộc ổn định và phát triển bền vững.

Ba là, tăng cường bảo vệ, giữ gìn và phát triển văn hóa của các dân tộc thiểu số. Bản sắc văn hóa tạo nên nét đặc trưng riêng có của mỗi dân tộc, đây là những giá trị giúp gắn kết những cá nhân trong cộng đồng dân tộc. Thông qua giữ gìn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số giúp tạo nên những cộng đồng gắn kết vững chắc, trên địa bàn phen giậu biên giới, giữ vững biên giới, chủ quyền quốc gia.

Bốn là, kịp thời phát hiện và giải quyết có tình, có lý mối quan hệ tộc người, những vấn đề an ninh, trật tự, an toàn xã hội giữa các tộc người để xây dựng, củng cố khối đoàn kết dân tộc, giữ

gìn và bảo vệ an ninh biên giới, an ninh quốc gia, chủ quyền lãnh thổ.

Năm là, đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng số nhằm tạo nền tảng thiết yếu cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân vùng biên giới. Tập trung ưu tiên nguồn lực hoàn thiện hệ thống điện lưới, giao thông, trường học, cơ sở y tế, bảo đảm đồng bộ, kết nối và phù hợp với điều kiện từng địa bàn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Gắn phát triển hạ tầng số với chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, giáo dục, y tế, sản xuất và kinh doanh; tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ số, từng bước thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, miền, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững.

Sáu là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức cấp xã ở tại các địa bàn biên giới. Tập trung rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý nhà nước, kỹ năng số, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thực thi công vụ. Chú trọng tạo nguồn và đào tạo cán bộ tại chỗ, có chính sách ưu tiên, đãi ngộ đối với cán bộ công tác tại các xã biên giới và con em dân tộc thiểu số tại địa phương. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích phù hợp để thu hút cán bộ có năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm về công tác lâu dài tại xã vùng biên giới.

Đồng thời tăng cường tiềm lực của các đồn biên phòng, kết hợp chặt chẽ hoạt động của bộ đội biên phòng với chính quyền, tổ chức đoàn thể tại địa phương, đội ngũ già làng, trưởng bản. Bởi các đồn biên phòng không chỉ đảm đương nhiệm vụ quân sự, an ninh mà còn làm các nhiệm vụ liên quan đến kinh tế, văn hóa, đối ngoại.

3. Kết luận

Thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách và nguồn lực đầu tư đã được triển khai, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, khu vực này vẫn còn không ít khó khăn, thách thức. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường đầu tư nguồn lực, phát huy nội lực của cộng đồng, nhằm bảo đảm phát triển bền vững, gắn với giữ vững quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia □

Ngày nhận bài: 21-01-2026;

Ngày bình duyệt: 13-3-2026;

Ngày duyệt đăng: 24-3-2026.

Email tác giả: nguyensongha16@gmail.com

(1) Luật Biên giới quốc gia năm 2003.

(2) Nguyễn Hồng Thao: *Tổng quan biên giới lãnh thổ Việt Nam*, <https://ttdn.vn>.

(3) Nguyễn Mạnh Đông: *Giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ của Việt Nam: Kết quả và bài học kinh nghiệm*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>.

(4) Nguyễn Hồng Thao: *Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia*, <https://ttdn.vn>.

(5) *Quyết định số 217/QĐ-BLĐT BXH ngày 04-02-2025 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.*

(6) Nhóm phóng viên Thời nay: *Giải bài toán lao động nơi biên giới*, <http://nhandan.vn>.